

TÀI LIỆU NGỮ VĂN 12
HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

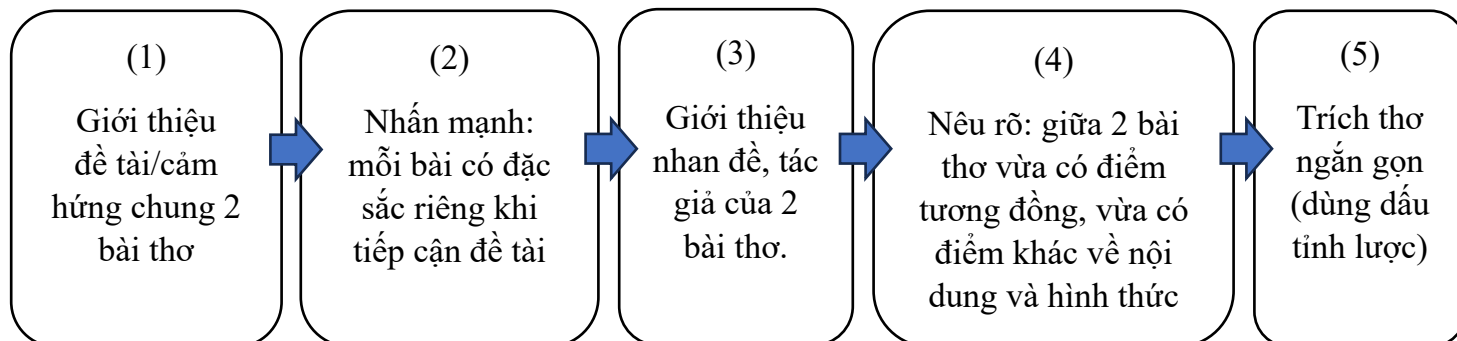
1. Yêu cầu cần đạt

Phần/ Câu	Yêu cầu cần đạt	Thang điểm
VIẾT	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai bài thơ	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở đoạn giới thiệu được vấn đề nghị luận, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn khẳng định được vấn đề.	0,5
	b. Đảm bảo yêu cầu nghị luận: So sánh (điểm tương đồng và khác biệt), đánh giá hai bài thơ.	0,5
	c. Triển khai được vấn đề nghị luận đáp ứng yêu cầu kiểu bài: - Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá. - Thân bài (<i>HS có thể triển khai nội dung so sánh, đánh giá theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được những phương diện cơ bản</i>): + Làm rõ điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ. + Lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt. + Nhận xét, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên các nội dung đã so sánh. - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.	3,0
	d. Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
	e. Sáng tạo: Có những sáng tạo riêng của cá nhân trong quá trình phân tích, đánh giá về tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ (qua những phát hiện sâu sắc hoặc qua cách diễn đạt độc đáo) để tăng sức thuyết phục và hấp dẫn cho bài viết.	0,5

2. Dàn ý chi tiết và kỹ năng làm bài

A. MỞ BÀI: Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.

* Gợi ý triển khai mở bài:



* Lưu ý: HS hoàn toàn có cách triển khai mở bài khác, miễn sao đảm bảo đúng yêu cầu cần đạt của Mở bài ở phần tiêu chí đánh giá.

* Mẫu mở bài: (Xem mẫu đính kèm tài liệu)

B. THÂN BÀI:

1. Giới thiệu ngắn gọn thông tin về 2 bài thơ: (1 đoạn)

* Gọi ý hướng triển khai:

- Tác phẩm 1 (hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ,...) --> tiêu biểu cho phong cách của nhà thơ A (nêu ngắn gọn phong cách của nhà thơ).

- Tác phẩm 2 (hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ,...) --> tiêu biểu cho phong cách của nhà thơ B (nêu ngắn gọn phong cách của nhà thơ).

* Mẫu đoạn: (Xem mẫu đính kèm tài liệu)

2. ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG: (1-2 đoạn)

- Về đề tài, cảm hứng sáng tác, cả hai bài thơ cùng viết về [...]:

+ Mô tả cách viết chung của hai bài thơ khi cùng nói về một đề tài. (Ví dụ: *Mùa thu trong hai bài thơ đều hiện lên một cách nhẹ nhàng, tinh tế bằng những nét vẽ đơn sơ, giản dị, đặc trưng của làng quê nông thôn.*)

+ Lí giải điểm tương đồng về đề tài, cảm hứng.

Gợi ý:

- Đề tài này là nguồn cảm hứng lớn của văn học dân tộc;
- Đây là một vấn đề nổi bật của thời đại;
- Cả hai tác giả đều trải qua hoàn cảnh liên quan đến đề tài;
- đều có mối bận tâm, nhạy cảm về vấn đề liên quan.
- ...

- Cả hai bài thơ còn có một số điểm gặp gỡ về hình thức nghệ thuật.

+ Chỉ ra điểm giống nhau giữa hai bài thơ dựa trên một số phương diện:

- Về thể thơ,...
- Về hình ảnh thơ,...
- Về cách cảm nhận cuộc sống, con người, thiên nhiên,...
- Về ngôn từ, biện pháp tu từ, thủ pháp nghệ thuật,...
- Về chủ thể trữ tình (dạng thức xuất hiện, hoàn cảnh nhân vật trữ tình),...
- Về gieo vần, ngắt nhịp,...
- Về biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...

+ Lí giải điểm tương đồng về hình thức:

Gợi ý:

- Các 2 tác giả đều là những “bậc thầy” trong việc sử dụng ngôn từ để bày tỏ cảm xúc.
- Đảm bảo những đặc trưng của thơ trữ tình: khơi gợi cảm xúc bằng những hình thức ngôn từ độc đáo.
- Sự tương đồng về đề tài cũng chi phối sự tương đồng về hình thức thể hiện (cùng sử dụng chung 1 hình ảnh, những cách nói quen thuộc, ...)

3. ĐIỂM KHÁC BIỆT: (2-3 đoạn)

a) Về đề tài, cảm hứng:

- Dù cùng viết về đề tài [...] nhưng mỗi bài thơ lại có những hướng tiếp cận, cách cảm nhận, lí giải bằng cảm xúc khác nhau.
- Nếu bài thơ A nhìn [đề tài] từ [mô tả hướng tiếp cận đề tài]. Nêu và phân tích dẫn chứng (trích vài câu thơ/đoạn thơ).
- Thì bài thơ B lại cho thấy [mô tả hướng tiếp cận đề tài]. Nêu và phân tích dẫn chứng (trích vài câu thơ/đoạn thơ).

b) Về chủ thể trữ tình:

- Trường hợp 1: Khác về dạng thức xuất hiện

- + Trong khi bài thơ A, chủ thể trữ tình xuất hiện dưới dạng chủ thể [ẩn/trực tiếp/nhập vai]
 - ➔ Chỉ ra bằng chứng.
- + Thì chủ thể trữ tình của bài thơ B lại là chủ thể [ẩn/trực tiếp/nhập vai].
 - ➔ Chỉ ra bằng chứng.

- Trường hợp 2: Khác về sắc thái cảm xúc, cách bày tỏ cảm xúc

- + Mô tả sắc thái cảm xúc, cách bày tỏ cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ A.
 - ➔ Phân tích một vài câu thơ tiêu biểu.
- + Mô tả sắc thái cảm xúc, cách bày tỏ cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ B.
 - ➔ Phân tích một vài câu thơ tiêu biểu
- + Có thể đúc kết: Chủ thể trữ tình trong bài thơ A [nhẹ nhàng hơn, mãnh liệt hơn, trực tiếp hơn, hàm súc hơn,...] chủ thể trữ tình trong bài thơ B.

c) Về hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ:

- Về hình ảnh,
 - + Khác nhau về ý nghĩa biểu đạt
 - + Khác nhau về sắc thái hình ảnh (tươi vui – u buồn, giản dị, đơn sơ - hùng vĩ, tráng lệ,...)
 - + Khác nhau về độ sáng tạo (quen thuộc, truyền thống – hiện đại, sáng tạo)
 - + ...
 - ➔ Chỉ ra và phân tích bằng chứng ở từng bài thơ.
- Về từ ngữ,
 - + Khác nhau về việc sử dụng từ loại (từ láy, tính từ, từ Hán Việt, kết hợp từ sáng tạo,...).
 - + Khác nhau về ý nghĩa biểu đạt
 - ➔ Chỉ ra và phân tích bằng chứng ở từng bài thơ.
- Về biện pháp tu từ,
 - + Khác nhau về tần suất sử dụng (bài thơ nào sử dụng nhiều hơn, đậm đặc hơn,...)
 - + Khác nhau về mục đích sử dụng, ý nghĩa biểu đạt (mỗi bài thơ thường sử dụng BPTT để làm gì? Biểu đạt nội dung gì?
 - ➔ Chỉ ra và phân tích bằng chứng ở từng bài thơ.

d) Về hình thức thể thơ:

- Về thể thơ, mỗi bài thơ viết theo thể thơ nào?
- Về cách gieo vần, ngắt nhịp, mỗi bài thơ có cách gieo vần, ngắt nhịp như thế nào?
- Bài nào có cách gieo vần, ngắt nhịp ổn định hơn?
- Gieo vần ngắt nhịp ổn định/không ổn định có ý nghĩa gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình, chủ đề bài thơ?

e) Về các yếu tố độc đáo khác của mỗi bài thơ:

- Cấu tứ của mỗi bài thơ có khác nhau không? Khác nhau thế nào?

- Mỗi bài thơ có nét đặc sắc nào riêng không?
 - + Thơ cổ điển (chú ý thêm sự khác nhau): điển cố điển tích, nhãn tự, thủ pháp nghệ thuật (tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh, chấm phá,...),...
 - + Thơ hiện đại (chú ý thêm sự khác nhau): biểu tượng, yếu tố tượng trưng, yếu tố siêu thực, liên tưởng chuyển đổi cảm giác,...

f) Lí giải sự khác nhau:

- Lí do khách quan: (HS quan sát chú thích để xác định lí do phù hợp)
 - + Thời đại: 2 nhà thơ sinh ra ở hai giai đoạn khác nhau, bối cảnh xã hội đời sống khác nhau.
 - + Giai đoạn văn học: 2 nhà thơ thuộc 2 giai đoạn văn học khác nhau (trung đại – hiện đại, chiến tranh – hòa bình, trước đổi mới và sau đổi mới,...)
 - + Văn hóa (nếu 2 tác giả khác quốc gia)
- Lí do chủ quan:
 - + Hoàn cảnh nhà thơ: 2 nhà thơ có xuất thân khác nhau, sống trong những điều kiện khác nhau.
 - + Quan niệm thẩm mỹ khác nhau.
 - + Tính cách khác nhau.
 - + Góc nhìn khác nhau.

4. ĐÁNH GIÁ VỀ ĐÓNG GÓP, GIÁ TRỊ HAI BÀI THƠ:

- Đóng góp về phong cách sáng tác:
 - + Trường hợp 1: Hai bài thơ có cùng 1 một phong cách (lãng mạn hoặc cổ điển)
 - Hai bài thơ là hai tác phẩm tiêu biểu cho phong cách ...
 - Mô tả lại đặc trưng chung của phong cách sáng tác.
 - + Trường hợp 2: Hai bài thơ khác phong cách (1 cổ điển, 1 lãng mạn)
 - Nếu bài thơ A là ví dụ tiêu biểu của phong cách ... thì bài B mang đậm dấu ấn của phong cách...
 - Mô tả lại đặc trưng từng phong cách sáng tác.
- Đóng góp về nội dung sáng tác:
 - + Cả hai bài thơ là những sáng tác nổi bật khi viết về đề tài...
 - + Mang đến cho người đọc những cảm nhận [mới mẻ, nhân văn, sâu sắc, triết lí,...] về đề tài...
 - + Cho thấy cách tiếp cận đa dạng, phong phú khi nói về,....
- Đóng góp về tư tưởng, thông điệp:
 - + Bài thơ A cho thấy cái nhìn của nhà thơ A về cuộc sống --> thông điệp:....
 - + Bài thơ B lại cho thấy nhà thơ B nhìn cuộc sống qua --> thông điệp:....

C. KẾT BÀI:

- Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh:
 - + Điểm giống nhau --> cho thấy những đặc điểm chung của văn học khi viết về đề tài....
 - + Điểm khác nhau --> làm nổi bật màu sắc, cá tính sáng tạo riêng của từng bài thơ, nhà thơ. Nếu nhà thơ A tiêu biểu cho lối viết ... thì nhà thơ B...
- Nêu cảm nhận, ấn tượng cá nhân:
 - + Mỗi bài thơ cho em thông điệp gì?
 - + Trong cảm nhận cá nhân, em thấy bài thơ nào ấn tượng hơn, gần gũi với em hơn? Vì sao?

+ Kêu gọi mọi người thưởng thức hai tác phẩm.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

Viết bài văn so sánh, đánh giá bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương và bài thơ *Áo trắng* của Huy Cận.

Văn bản 1:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(*Bánh trôi nước* – Hồ Xuân Hương)

Văn bản 2:

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến, mắt như lòng.
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.*

*Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.*

*Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát của ngoài.*

*Đôi lứa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.*

(*Áo trắng* – Huy Cận)

* Chú thích:

Hồ Xuân Hương (chưa rõ năm sinh, năm mất) quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long. Bà từng đi nhiều nơi và thân thiết với nhiều danh sĩ nổi tiếng. Cuộc đời, tình duyên của nữ sĩ cũng từng trải qua nhiều ngang trái, éo le. Sáng tác của Hồ Xuân Hương thường viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài, đến cảm hứng, ngôn từ. Bà được mệnh danh là “Bà Chúa Thơ Nôm” (Xuân Diệu).

Huy Cận (1919 – 2005) tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, thuộc Hà Tĩnh. Ông từng là sinh viên của trường Canh nông tại Hà Nội. Từ năm 1942, ông tham gia Cách mạng và giữ qua nhiều chức vụ quan trọng. Thơ Huy Cận trước Cách mạng là một hồn thơ ảo não, mang nhiều nỗi u buồn. Nhưng cũng có một số bài thơ thể hiện tình yêu trong sáng dành cho con người, cuộc đời. Trong đó, có bài thơ *Áo trắng* được in lần đầu trong tập *Lửa thiêng* (1940).

PHIẾU HỌC TẬP BỒ TRỢ SO SÁNH 2 BÀI THƠ (Phác thảo ý)

PHƯƠNG DIỆN		Văn bản 1: Bánh trôi nước	Văn bản 2: Áo trắng
GIỐNG	Đề tài, cảm hứng	- Đề tài: vẻ đẹp của người phụ nữ (thân thể và tâm hồn) - Cảm hứng chủ đạo: ngợi ca giá trị nhân văn toát lên từ vẻ đẹp của người phụ nữ bằng những xúc cảm chân thành, tự nhiên.	
	Hình thức	- Chủ thể trữ tình: đều xuất hiện dưới hình thức trực tiếp bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình về giá trị, phẩm chất, vẻ đẹp của người phụ nữ bằng một tình cảm vừa chân thành, vừa da diết, mãnh liệt. - Hình ảnh/yếu tố tượng trưng: Mượn những hình ảnh thơ có giá trị gợi hình, gợi cảm cao để thể hiện vẻ đẹp của người phụ nữ. (áo trắng, bánh trôi nước,...) - Từ ngữ giản dị, trong sáng kết hợp với nghệ thuật tu từ độc đáo có sức biểu đạt truyền cảm cao.	
KHÁC	Cảm hứng (góc độ tiếp cận)	- Vẻ đẹp <u>người phụ nữ trong xã hội phong kiến</u> từ những giá trị truyền thống.	- Vẻ đẹp người phụ nữ từ <u>góc nhìn của một cá nhân đang yêu đương mãnh liệt</u> (cái tôi cá nhân)
	Nhân vật trữ tình	- Trực tiếp “em”: người phụ nữ đang tự ca ngợi, tôn vinh bản thân (tự tình). - Tình cảm, cảm xúc: + Ý thức được vẻ đẹp, giá trị bản thân “vừa trắng, vừa tròn”, “tấm lòng son”. + Tủi hổ cho thân phận lênh đênh, may rủi “bảy nổi ba chìm”, “mặc dầu tay kẻ nặn”. + Khẳng định “đạo lí, triết lí”: đức hạnh của người phụ nữ dẫn cuộc đời éo le.	- Trực tiếp “anh”: người phụ nữ được ca ngợi, tôn vinh bởi nhân vật “anh” (tỏ tình). - Tình cảm, cảm xúc: + Ngây ngất trước vẻ đẹp kiều diễm, thướt tha của “em” (bừng ánh sang, thổi vào phòng anh cả núi non,...). + Nng niu, trân quý “em” đến vô cùng, trong từng cử chỉ, từng khoảnh khắc. + Bày tỏ những cảm tình riêng tư của tình yêu đôi lứa trong khoảnh khắc “thần tiên” hạnh phúc
	Hình thức (vần, nhịp, hình ảnh, yếu tố tượng trưng, từ ngữ, thủ pháp, cấu tứ, ...)	- Có tính quy phạm: + Thơ Nôm Đường luật + Gieo vần, ngắt nhịp theo quy tắc + Hình ảnh, ngôn ngữ đậm đà chất văn học dân gian (bánh trôi nước, thành ngữ,...).	- Có sự phá cách: + Thơ 7 chữ + Gieo vần đa dạng, ngắt nhịp linh hoạt + Hình ảnh, ngôn từ sáng tạo nhiều liên tưởng độc đáo, biện pháp tu từ (thậm xưng, liên tưởng chuyển đổi cảm giác,...).

PHONG CÁCH SÁNG TÁC/ GIÁ TRỊ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC PHẨM	- Phong cách cổ điển (văn học trung đại) - Vừa là một sáng tác tiêu biểu của thơ ca trung đại, nhưng cũng mang những ý thức phá cách độc đáo, mạnh mẽ	- Phong cách lãng mạn (văn học hiện đại) - Là một sáng tác thể hiện rõ đặc trưng phong trào Thơ mới (hình thức cách tân, quan niệm thẩm mỹ mới,...)
--	--	--

MẪU BÀI LÀM

[1] Người phụ nữ với những vẻ đẹp của họ đã trở thành suối nguồn cảm hứng bất tận cho văn học sản sinh ra những tác phẩm bất hủ vượt thời gian. Ta đã từng bắt gặp nét chân phương của họ trong những bài ca dao “Thân em như tấm lụa đào”, “Thân em như hạt mưa sa”,... Theo thời gian, người phụ nữ đã đi vào trang văn như một hình tượng trung tâm của mọi xúc cảm, rung động thật đẹp của người nghệ sĩ mọi thời đại. [2] Nhưng bằng sự sáng tạo của mình, mỗi một tác giả lại có những cách thể hiện rất riêng mang đến những góc nhìn mới mẻ, không bao giờ lặp lại về người phụ nữ. [3] Nổi bật hơn cả là bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương và *Áo trắng* của Huy Cận. [4] Khi đặt hai bài thơ thuộc hai giai đoạn văn học, người đọc có thể bắt gặp những điểm tương đồng thú vị cũng như những dấu ấn cá nhân vô cùng độc đáo của mỗi nhà thơ:

(5) *Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Bánh trôi nước – Hồ Xuân

Hương)

Và:

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
(...) Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.*

(Áo trắng – Huy Cận)

Hồ Xuân Hương (chưa rõ năm sinh, năm mất) quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long. Hồ Xuân Hương thường viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài, đến cảm hứng, ngôn từ. Bà được mệnh danh là “Bà Chúa Thơ Nôm” (Xuân Diệu). Và bài thơ “Bánh trôi nước” có thể coi là bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác của bà. Huy Cận (1919 – 2005) tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, thuộc Hà Tĩnh. Thơ Huy Cận trước Cách mạng là một hồn thơ ảo não, mang nhiều nỗi u buồn. Nhưng cũng có một số bài thơ thể hiện tình yêu trong sáng dành cho con người, cuộc đời. Trong đó, có bài thơ *Áo trắng* được in lần đầu trong tập *Lửa thiêng* (1940).

Dù sinh ở thời đại khác nhau, những giữa hai bài thơ lại có **một “mối lương duyên” thú vị**. Trước hết, **về đề tài**, cả hai bài thơ đều nói về vẻ đẹp nhân văn của người phụ nữ. Đáng chú ý, cả hai nhà thơ đều tập trung khơi gợi lên những cảm xúc về cả vẻ đẹp tinh thần lẫn thân thể của người phụ nữ. Qua đó, có thấy cái nhìn mới mẻ, nhân văn và toàn vẹn của người phụ nữ mà trước đây văn chương thường “ái ngại” khi nhắc đến. Không dừng lại ở việc kể hay tả, mà Hồ Xuân Hương và Huy Cận còn viết bằng tất cả sự ngợi ca, trân trọng, yêu quý chân thành, mãnh liệt dành cho “một nửa của thế giới”. Hồ Xuân Hương yêu người phụ nữ như yêu chính bản thân mình và Huy Cận yêu người phụ nữ như yêu một phần đời sống không thể thiếu của mình. Ta có thể rất rõ

qua những dòng thơ như: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn” hay “Hồn em anh thả ở trong hơi”. **Không quá khó để lí giải về sự gặp gỡ này**, bởi như đã nói, “phụ nữ” là một dòng chảy truyền thống của nền thi ca dân tộc. Không chỉ riêng hai nhà thơ này, mà người phụ nữ cũng từng xuất hiện trong sáng tác của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Đặng Trần Côn hay Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên,... Từ đó mới thấy, tiếng thơ của Hồ Xuân Hương và Huy Cận đã góp thêm vào tiếng nói chung về người phụ nữ, luôn đấu tranh vì họ trong một thế giới luôn tồn tại những điều xấu xa dễ lấn át, chèn ép “phái yếu”.

Không chỉ dừng lại ở đề tài, cảm hứng, cả hai bài thơ còn có **những điểm gặp gỡ về hình thức thể hiện**. **Chủ thể trữ tình** trong cả hai bài thơ đều xuất hiện dưới hình thức trực tiếp (*em – anh*). Cách xuất hiện này giúp chủ thể có thể bày tỏ cảm xúc trực tiếp của mình về giá trị, phẩm chất, vẻ đẹp của người phụ nữ một cách rõ ràng hơn mà không cần phải che đậy. Tình cảm của họ vì vậy mà cũng da diết hơn, mãnh liệt hơn. Bên cạnh đó, để tăng sức biểu cảm, cả hai bài thơ đều sử dụng những **hình ảnh có tính biểu tượng** để khắc họa vẻ đẹp của người phụ nữ. Nếu bài thơ của Hồ Xuân Hương sử dụng hình ảnh *Bánh trôi nước* thì Huy Cận lại sử dụng hình ảnh tà *Áo trắng* thướt tha, duyên dáng. Hình tượng nào cũng gần gũi, quen thuộc nhưng có khả năng mang lại liên tưởng cao cho người đọc về vẻ đẹp thân thể lẫn tâm hồn của người phụ nữ. Ngoài ra, từ góc độ tổng quan, cả hai thi phẩm đều tạo được một cảm giác thân thương bằng một **văn phong, ngôn từ rất bình dị, mộc mạc nhưng giàu sức gợi hình, gợi cảm** thông qua cách miêu tả cụ thể (trắng, tròn, rần, nát, hoe tròn, ngón thon thon,...). Cả hai nhà thơ đều là những tác giả được đánh giá cao về bút lực nên có thể **dễ dàng hiểu được vì sao** họ lại có những điểm tương đồng trong cách sáng tác văn chương. Nếu Hồ Xuân Hương được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm” thì Huy Cận cũng là một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ Mới. Cả hai thi nhân đã sử dụng tốt chất liệu ngôn từ để mang đến những hình dung độc đáo về người phụ nữ.

Văn chương chỉ dung nạp những nghệ sĩ biết “khơi những nguồn chưa ai khơi”. Vì thế, dù viết cùng đề tài về người phụ nữ, nhưng Huy Cận vẫn có một cách tiếp cận riêng với tiền nhân của mình – bà Hồ Xuân Hương. Vì thế, giữa hai bài thơ, không quá khó để nhận thấy những điểm khác biệt.

Về cảm hứng, dù đều là giọng ngợi ca, nhưng nếu bà Hồ Xuân Hương ngợi ca người phụ nữ trong xã hội phong kiến bằng những giá trị truyền thống, chuẩn mực của người phụ nữ như thủy chung, son sắc: “*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*”. Thì Huy Cận lại cho ta thấy thái độ trân quý người phụ nữ bằng một “cái tôi” cá nhân đang yêu đương một cách say đắm: “*Đôi lứa thần tiên suốt một ngày./Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.*”. Hay nói cách khác, Hồ Xuân Hương nhìn người phụ nữ từ những giá trị chung của cộng đồng thì Huy Cận nhìn người phụ nữ từ góc độ riêng tư của cá nhân. Hai góc nhìn không hề mâu thuẫn mà là hai góc nhìn bổ sung cho nhau, mang đến cho người đọc những trải nghiệm vẹn tròn về người phụ nữ.

Về nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình của hai bài thơ đều lựa chọn **cách xuất hiện trực tiếp** nhưng rõ ràng trong thơ Hồ Xuân Hương, nhân vật “em” là người phụ nữ đang nói về chính mình. Điều này giúp cho người đọc có liên tưởng lời thơ như là một lời “tự tình” (tự bày tỏ tình cảm). Trong khi đó, trong thơ Huy Cận, chủ thể trữ tình là “anh” và “anh” đang “tỏ tình” với em bằng những lời yêu đương đậm thắm. Tính đối thoại trong thơ Huy Cận là một điểm mới chưa bao giờ có trong tiền lệ cho đến khi tiếp cận với thơ ca phương Tây. Thêm nữa, đi sâu vào mạch cảm xúc, người đọc càng thấy rõ **những tiếng lòng rất riêng** của các chủ thể trữ tình. Cụ thể, trong *Bánh trôi nước*, có thể thấy chủ thể trữ tình – một người phụ nữ, ý thức rất rõ và thân phận của bản thân: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn”. Xen lẫn trong đó có cả những chua chát, ngậm ngùi

cho số phận bẽ bàng và cả sự bất lực khi không thể làm chủ số phận: “Bảy nổi ba chìm với nước non/Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”. Điểm sáng trong bài thơ là lời khẳng định ở cuối bài thơ: chủ thể trữ tình đã vượt qua những xúc cảm tầm thường để hướng đến vẻ đẹp bất diệt của người phụ nữ. Đó là sự thủy chung, khát vọng yêu đương một cách bình dị, thuần túy mà hết sức mãnh liệt được hình tượng hóa qua hình ảnh “tắm lòng son”. Để đi đến được ý thức này là cả một sự nỗ lực vượt qua những khắc khe của xã hội phong kiến luôn ra sức đè nén người phụ nữ và nỗ lực vượt qua cả những mặc cảm, tủi hổ của bản thân để tiếp tục nhen nhóm một niềm tin vào tình yêu, vào cuộc đời. Còn trong *Áo trắng*, chủ thể trữ tình đã cho thấy một cái nhìn mới của xã hội “nam quyền” về người phụ nữ. Người phụ nữ trong bài thơ *Áo trắng* có lẽ may mắn hơn, hạnh phúc khi được “anh” nâng niu, che chở và chiêm ngưỡng bằng mọi giác quan, trong mọi khoảnh khắc, qua mọi cử chỉ hành động: “nở bừng ánh sáng”, “gót ngọc dồn hương”, “anh nghe tiếng lẫn lời”,... Vì thế mà người phụ nữ trong *Áo trắng* hiện lên một cách sống động hơn, chi tiết hơn với vẻ đẹp thướt tha, kiều diễm, sáng trọng, khác với vẻ bình dị, đơn sơ, mộc mạc của người phụ nữ trong *Bánh trôi nước*,...

Hình thức thể loại cũng là điểm khác biệt dễ nhận diện khi tiếp cận với hai tác phẩm. Bài thơ *Bánh trôi nước* được viết thể tứ tuyệt Đường luật nên phải đảm bảo tính quy phạm chặt chẽ. Chẳng hạn như phải gieo vần chân vào câu 1,2,4 (tròn, non, son), cách ngắt nhịp ổn định 4/3 hoặc 2/2/3,... Còn *Áo trắng* vì là một bài thơ hiện đại theo thể 7 chữ nên có sự tự do, phóng khoáng hơn về mặt hình thức: cách gieo vần, ngắt nhịp không cố định. **Về ngôn từ**, bài thơ *Bánh trôi nước* rất tiêu biểu cho cách viết của Hồ Xuân Hương khi sử dụng nhiều chất liệu dân gian như sử dụng hình ảnh bánh trôi nước, cách nói “thân em”, hay thành ngữ “ba chìm bảy nổi”,... Còn bài thơ *Áo trắng* lại chứa đựng nhiều cách tân ngôn từ đúng tinh thần thơ Mới như kết hợp từ sáng tạo (tỏa phát đôi hồn, hồn em anh thờ, thổi vào phòng anh cả núi non,...), dùng dấu ngữ pháp để ngắt nhịp, đậm nét liên tưởng tượng tượng,... Nhìn chung, dù bằng cách thức nào, cả hai nhà thơ đã rất thành công khi tạo ra được những va động tinh tế trong lòng độc giả khi nghĩ về người phụ nữ.

Sự khác biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật trong sáng tác của hai bài thơ bị chi phối bởi bối cảnh xã hội và văn học của mỗi nhà thơ. Hồ Xuân Hương sáng tác dưới chế độ phong kiến, mà thế lực cầm quyền chủ yếu là nam giới. Vì vậy, mà bà thường lên tiếng bênh vực người phụ nữ bằng những giá trị truyền thống dân tộc, bằng sự tự ý thức của người phụ nữ. Đồng thời, trong giai đoạn văn học trung đại, các tác phẩm đều sáng tác theo phong cách cổ điển nên những hình thức của các tác phẩm cần đảm bảo sự chuẩn mực, khuôn khổ của thể loại. Trong khi đó, Huy Cận sinh ra và sáng tác trong thời kì thơ Mới phát triển, sự du nhập của văn hóa phương Tây mang đến cho ông và những nhà thơ khác những luồng gió mới về cả tư tưởng lẫn hình thức thể hiện. Cho nên, góc nhìn của ông về người phụ nữ cũng cởi mở hơn và đa diện, đa sắc hơn.

Bằng một nội dung nhân văn và hình thức nghệ thuật độc đáo, cả hai bài thơ đều đã có những đóng góp rất lớn đối với thời đại và nền văn học mà nó đại diện. *Bánh trôi nước* là một bài thơ tiêu biểu cho phong cách cổ điển. Đây vừa là một sáng tác tiêu biểu của thơ ca trung đại, nhưng cũng mang những ý thức phá cách độc đáo, mạnh mẽ khi nói về người phụ nữ (tự ý thức về vẻ đẹp, giá trị). Và *Áo trắng* lại mang đậm dấu ấn của phong cách lãng mạn, đặc trưng cho tinh thần Thơ Mới. Hơn hết, hai bài thơ đều để lại những thông điệp nhân văn vừa thân thuộc, vừa mới mẻ khi viết về người phụ nữ: yêu quý, trân trọng người phụ nữ không chỉ là trách nhiệm và còn là một khát vọng muôn đời. Bởi họ là một phần không thể thiếu trong đời sống mỗi cá nhân.

Tóm lại, việc so sánh hai bài thơ *Bánh trôi nước* và *Áo trắng* không chỉ cho thấy góc nhìn độc đáo, thiện cảm của văn chương – nghệ thuật mọi thời đại về người phụ nữ mà còn làm rõ được điểm nổi bật của mỗi tác phẩm, mỗi nhà thơ và mỗi thời đại. **Với tư cách là một độc giả**, tôi cảm thấy cả hai tác phẩm đều là những tác phẩm đặc sắc. Nhưng có lẽ tôi cảm thấy ấn tượng với tiếng thơ của Hồ Xuân Hương, vì trong thơ bà tôi nhận thấy một sự nỗ lực không ngừng của người phụ nữ để đi tìm tiếng nói riêng cho mình trong một thời đại đầy nghiệt ngã. **Bài thơ của bà giúp tôi** không chỉ yêu quý người phụ nữ xung quanh mình, mà còn trao truyền cho tôi một động lực cố gắng sống một cách ý nghĩa từng ngày, giữ gìn bản chất tốt đẹp trong con người dù cho cuộc sống có khó khăn, nghiệt ngã. Cho nên, hãy tìm đọc những tác phẩm như *Áo trắng* hay *Bánh trôi nước*, không chỉ là để ta yêu người mà còn tìm mình và yêu mình hơn.

Bộ đề luyện tập

Đề số 01: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

<i>Làm sao được tan ra</i> <i>Thành trăm con sóng nhỏ</i> <i>Giữa biển lớn tình yêu</i> <i>Để ngàn năm còn vỗ.</i> (Xuân Quỳnh, trích <i>Sóng</i> , theo <i>Hoa dọc</i> <i>chiến hào</i> , NXB Văn học, Hà Nội, 1968)	<i>Tôi muốn tắt nắng đi</i> <i>Cho màu đừng nhạt mất;</i> <i>Tôi muốn buộc gió lại</i> <i>Cho hương đừng bay đi.</i> (Xuân Diệu, trích <i>Vội vàng</i> , theo <i>Thơ thơ</i> NXB Đời nay, Hà Nội, 1938)
--	--

Chú thích:

Xuân Quỳnh (1942-1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở La Khê, Hoài Đức, Hà Nội. Bà nổi tiếng với nhiều bài thơ được nhiều người biết đến như *Thuyền và biển*, *Sóng*, *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa*,... Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ. Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. *Sóng* được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

Xuân Diệu (1916-1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu, quê ở Can Lộc - Hà Tĩnh nhưng sống với mẹ ở Quy Nhơn. Xuân Diệu là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. Ông là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết. *Vội vàng* được in trong tập *Thơ thơ*, là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

Nhiệm vụ 2: Lập dàn ý đề số 02:

Đề số 02: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

<i>Những đứa con theo mẹ đi tìm cha Tràn về phía biển Những đứa con như cây lim cây sến Từ rừng đổ xuống Từ châu thổ trời lên Những đứa con xẻ gỗ đóng thuyền Rút dây rừng đan lưới</i>	<i>Đêm biển Mấy khi cha ngủ Thuyền lắc tròn sóng đánh hai vai Ngửa mặt Những con sao đi suốt đêm thâu Qua sông Ngân Hà như đàn cá biếc Chiếc vệ tinh chập chờn con sứa bạc</i>
--	---

<i>Cánh tay trần cuộn sóng Cá ngừ đại dương ăn sống</i>	<i>Những mùa lộng mùa khơi biển động Con cá thiêng trôi giạt bãi bờ</i>
<i>Cá thu cá bớp nướng than hồng Cá trích cá chim cá thèn cá mực</i>	<i>Có cái chết ướp vào muối mặn Có cái sống lọc từ cát trắng</i>
<i>Cá mú đỏ cá tắc kè cá bò hòm cá nục Cá kho tương cá muối mắm thơm lừng</i>	<i>Ngọn U Bò vẫn dắt lối cha đi Mái tóc bạc phơ</i>
<i>Cá phơi khô mùa nắng trải đầy thuyền Cá mũ đỏ bên tôm hùm thấp lửa</i>	<i>Cha vẫn còn đôi tay lực lưỡng Chém qua sóng một mái chèo</i>
<i>Những con thuyền băng lướt qua bầy sứa Những cánh buồm bay theo cánh hải âu...</i>	<i>Thách thức gian nan</i>
<i>(Nguyễn Trọng Tạo, trích <i>Mặn hơn muối</i>, in trong Nguyễn Trọng Tạo tuyển tập)</i>	<i>(Nguyễn Khoa Điềm, trích <i>Biển trước mặt</i> - <i>Biển</i>, in trong Nguyễn Khoa Điềm: <i>Thơ</i> tuyển NXB Hội Nhà văn 2013)</i>

Chú thích:

Nguyễn Trọng Tạo sinh ngày 25 tháng 8 năm 1947 trong một gia đình Nho học ở làng Trường Khê (nay là Diễn Hoa), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ông là nhà thơ, nhạc sĩ, nhà báo, họa sĩ vẽ bìa sách Việt Nam; nguyên Trưởng ban Biên tập báo Thơ thuộc Báo Văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam, 2003-2004) và là tác giả của những tập thơ, trường ca như *Đồng dao cho người lớn*, *Nương thân*, *Thế giới không còn trắng*, *Con đường của những vì sao* (*Trường ca Đồng Lộc*); những bài hát "Làng Quan Họ quê tôi", "Khúc hát sông quê", "Đôi mắt dò ngang",... Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến cho rằng: *Thơ của Nguyễn Trọng Tạo là thơ của những cái chớp mắt... Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Trọng Tạo không hề dễ dãi, và, lấp lánh vô tận như những cái chớp mắt...*

Nguyễn Khoa Điềm Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15-4-1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông từng là ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Trung ương Đảng khóa IX, trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, đại biểu Quốc hội khóa X, bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam.

Nhiệm vụ 3: Lập dàn ý đề số 03:

Đề số 03: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

<i>Đất Nước Của thơ ca</i>	<i>Kiều mãi đẹp khi đất nước vào xuân Em vẫn thảo thơm dịu dàng như cô Tấm</i>
--------------------------------	--

<i>Độc trang Kiều tưởng câu hát dân gian Nghe xôn xao trong gió hội mây ngàn</i> <i>Đất Nước</i> <i>Của những dòng sông</i> <i>Gọi tên nghe mát rượi tâm hồn Ngọt</i> <i>lịm những giọng hò xứ sở</i> <i>Trong sáng như trời xanh, mượt mà như</i> <i>nhung lụa</i> <i>Đất Nước</i> <i>Của những người mẹ Mặc</i> <i>áo thay vai</i> <i>Hạt lúa củ khoai</i> <i>Bền bỉ nuôi chồng, nuôi con chiến đấu</i> <i>(Nam Hà, trích Chúng con chiến đấu cho Người</i> <i>sống mãi Việt Nam ơi!, in trong Trường Sơn -</i> <i>Đường khát vọng, NXB Chính trị Quốc gia, 2009)</i>	<i>Đất nước trải bao mùa binh biến</i> <i>Tổ quốc sáng ngời... “Đại cáo bình</i> <i>Ngô”</i> <i>Tổ quốc mình chỉ một mẹ thôi Chân</i> <i>lấm bùn áo nâu sông vẫn vậy Dạy con</i> <i>biết ngọn nguồn sau trước Qua cay</i> <i>đắng tìm đến ngọt ngào</i> <i>Đất nước hằn sâu trong những lời ca dao</i> <i>Yêu biết mấy những đảo chìm, đảo nổi Từ</i> <i>Hoàng Sa cho đến Trường Sa</i> <i>Tổ quốc thiêng liêng trong mỗi cuộc đời</i> <i>(Nguyễn Tiến Đường, trích Tổ quốc chỉ</i> <i>một mẹ thôi, Bài đăng trên báo Pháp luật,</i> <i>Ngày 23/01/2020)</i>
--	--

Chú thích:

Nhà thơ Nam Hà tên thật là Nguyễn Anh Công, sinh năm 1935 tại Đô Lương, Nghệ An. Ông đã in 5 tập tiểu thuyết, 3 tập truyện ngắn, 1 tập thơ và nhiều tập bút ký, ký sự. Song, dù chỉ có một tập thơ nhưng ông được nhiều người coi là nhà thơ bởi những bài thơ của ông khá xuất sắc, đặc biệt là bài *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* được viết tại mặt trận Trường Sơn năm 1966, in trong *Trường Sơn - Đường khát vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, 2009.

Nguyễn Tiến Đường sinh năm 1954, quê Hà Tây, công tác tại Thủ Dầu Một (Bình Dương). Bút danh Nguyễn Tiến, Tiến Lộ. Ông là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Bình Dương. Bài thơ *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ Nguyễn Tiến Đường thể hiện sâu sắc cái nhìn yêu thương của nhà thơ đối với đất nước trong thời đại mới.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm lập dàn ý
- GV quan sát, khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm 1 báo cáo kết quả (nhóm 2 phản biện).
- Đại diện nhóm 3 báo cáo kết quả (nhóm 4 phản biện).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, định hướng kĩ năng và kiến thức.

GV lưu ý cá nhân HS dựa vào dàn ý hướng dẫn, chọn viết 1 bài hoàn chỉnh (ở nhà nếu thời gian trên lớp không còn).

Đề số 01:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ trích trong *Sóng* của Xuân Quỳnh và *Vội vàng* của Xuân Diệu.

DÀN Ý THAM KHẢO

A. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề tài tình yêu.
- Giới thiệu hai đoạn thơ trích trong *Sóng* của Xuân Quỳnh và *Vội vàng* của Xuân Diệu.

B. Thân bài:

1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Xuân Quỳnh (1942-1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở La Khê, Hoài Đức, Hà Nội. Bà nổi tiếng với nhiều bài thơ được nhiều người biết đến như *Thuyền và biển*, *Sóng*, *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa*,... Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ. Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. *Sóng* được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

b. Xuân Diệu (1916-1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu, quê ở Can Lộc - Hà Tĩnh nhưng sống với mẹ ở Quy Nhơn. Xuân Diệu là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. Ông là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết. *Vội vàng* được in trong tập *Thơ thơ*, là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó.

a. Những điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ:

*** Đề tài, chủ đề, cảm xúc chủ đạo**

- **Đề tài, chủ đề:** Tình yêu và khát vọng hòa mình vào tình yêu chung của nhân loại.
- **Cảm xúc của nhân vật trữ tình:** Yêu tha thiết, khát khao mãnh liệt.

*** Cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:**

- **Nhân vật trữ tình:** đều là những người trẻ với trái tim yêu rạo rực, say đắm, cháy bỏng.

- Hình thức thể hiện:

+ **Thể thơ:** Thể thơ năm chữ nhịp ngắn, nhanh, giàu nhạc điệu thích hợp nhất để bộc lộ cái tôi đầy khát vọng mãnh liệt và táo bạo của hai nhà thơ về tình yêu.

+ **Hình ảnh:** Sử dụng những hình ảnh gắn với thiên nhiên, vũ trụ để thể hiện khát khao: sóng, biển, nắng, gió,....

+ **Từ ngữ, kiểu câu:** Sử dụng các từ ngữ cùng trường nghĩa, các câu khẳng định ước muốn đoạt quyền tạo hóa để hòa hợp, để bắt tử hóa tình yêu.

b. Những điểm khác biệt:

- **Nhân vật trữ tình:**

+ *Sóng* của Xuân Quỳnh là tiếng nói của người phụ nữ luôn băn khoăn, trăn trở. Đó chính là nỗi khát khao được “tan thành trăm con sóng nhỏ” vì nhà thơ bằng trực cảm của mình đã nhận ra tình yêu không thuộc về vĩnh viễn.

+ *Vội vàng* của Xuân Diệu bộc lộ một cái tôi sôi nổi, cuồng quýt muốn đoạt quyền tạo hóa “muốn tắt nắng”, “muốn buộc gió” để vĩnh cửu tình yêu, để tình yêu mãi vẹn nguyên, non tơ như thuở ban đầu.

- Hình thức thể hiện:

+ **Hình ảnh:**

++ *Sóng* của Xuân Quỳnh lựa chọn hình ảnh sóng và biển ẩn dụ cho khát vọng hóa thân, hòa nhập vào tình yêu lớn của cuộc đời, của đất nước, của nhân loại.

++ *Vội vàng* của Xuân Diệu, với cặp mắt “xanh non, biếc rờn”, thi sĩ lại chọn hình ảnh “nắng”, “gió” để gửi gắm ước muốn níu giữ thời gian, thâu trọn từng khoảnh khắc, được tận hưởng phần “ngon nhất” của cuộc đời là mùa xuân, tình yêu, tuổi trẻ, hạnh phúc,...

+ **Giọng điệu:** *Sóng* của Xuân Quỳnh ẩn chứa những suy tư nhiều trắc ẩn của người phụ nữ luôn da diết về hạnh phúc bình dị, đời thường, *Vội vàng* của Xuân Diệu sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết.

+ **Từ ngữ, biện pháp tu từ:** *Sóng* ẩn dụ cho trái tim người con gái dù táo bạo, mạnh mẽ mà vẫn khiêm nhường trong khát vọng hòa vào biển lớn tình yêu muôn đời; *Vội vàng* chọn những động từ mạnh “tắt”, “buộc” mong vũ trụ ngừng quay, thời gian dừng lại để thi nhân được hưởng trọn vẹn những phút giây đẹp nhất của đời người,...

c. Lí giải sự tương đồng và khác biệt:

- Tương đồng:

+ Đề tài tình yêu và khát vọng hòa mình vào tình yêu chung của nhân loại luôn là đề tài bất tận của thơ ca muôn đời.

+ Cả hai tâm hồn thi sĩ đều viết về tình yêu bằng trái tim yêu tha thiết, chân thành, mãnh liệt, đắm say, rạo rực,...như tình yêu muôn đời vẫn thế.

- Khác biệt:

+ *Sóng* là khát vọng tình yêu lứa đôi, là khao khát được tận hiến, được hi sinh cho một tình yêu đẹp, “giữa biển lớn tình yêu để ngàn năm còn vỗ”. Còn trong *Vội vàng*, ấy lại là một quan niệm nhân sinh về lẽ sống: sống vội vàng, giục giã để tận hưởng những giá trị của cuộc sống.

+ Mỗi nhà thơ mang những suy tư riêng, những cảm quan riêng, tình yêu trong mỗi nhà thơ được

nhìn bằng lăng kính nghệ thuật riêng, hình ảnh, giọng điệu, từ ngữ, sắc màu riêng,...không thể trộn lẫn.

3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn thơ và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi đoạn. Khẳng định sự đóng góp của hai đoạn thơ, hai tác giả.

- Cả hai nhà thơ đều mang trong mình tình yêu và viết về tình yêu cùng những khát khao đầy nhân văn.

- Mỗi đoạn trích hấp dẫn theo cách riêng, ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà thơ, là sản phẩm trí tuệ không lặp lại.

- Đó chính là quy luật sáng tạo của nghệ thuật nói chung và cũng qua đó bộc lộ được vẻ đẹp đa thanh, đa sắc màu, đa giọng điệu của văn chương nói riêng.

C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các đoạn/bài thơ.

Yêu, là chết ở trong lòng một ít/ Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu (Xuân Diệu). Dẫu vậy, tình yêu vẫn luôn hấp dẫn mọi thời đại cùng những khát khao... muôn đời không bao giờ lặp lại. Với những tài năng độc đáo, Xuân Quỳnh và Xuân Diệu đã thực sự đánh thức trong người đọc rất nhiều xúc cảm.

Đề số 02:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ trích trong *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo và *Biển trước mặt* - *Biển* của Nguyễn Khoa Điềm

DÀN Ý THAM KHẢO

A. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề tài biển quê hương
- Giới thiệu hai đoạn thơ trích trong *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo và *Biển trước mặt* - *Biển* của Nguyễn Khoa Điềm.

B. Thân bài:

1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Nguyễn Trọng Tạo sinh ngày 25 tháng 8 năm 1947 trong một gia đình Nho học ở làng Trường Khê (nay là Diên Hoa), huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An. Ông là nhà thơ, nhạc sĩ, nhà báo, họa sĩ vẽ bìa sách Việt Nam; nguyên Trưởng ban Biên tập báo Thơ thuộc Báo Văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam, 2003-2004) và là tác giả của những tập thơ, trường ca như *Đồng dao cho người lớn*, *Nương thân*, *Thế giới không còn trắng*, *Con đường của những vì sao* (*Trường ca Đồng Lộc*); những bài hát "Làng Quan Họ quê tôi", "Khúc hát sông quê", "Đôi mắt đò ngang",... Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến cho rằng: *Thơ của Nguyễn Trọng Tạo là thơ của những cái chớp mắt... Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Trọng Tạo không hề dễ dãi, và, lấp lánh vô tận như những cái chớp mắt...*

b. Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15-4-1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông từng là ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Trung ương Đảng khóa IX, trưởng

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, đại biểu Quốc hội khóa X, bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam.

2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó.

a. Những điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ:

*** Đề tài, chủ đề, cảm xúc chủ đạo**

- **Đề tài, chủ đề:** Biển - Sự giàu có, mặn mòi của biển quê hương và cuộc sống vất vả mà phong phú sắc màu của người dân biển.

- **Cảm xúc của nhân vật trữ tình:** Mến yêu tha thiết và gắn bó chân thành với biển quê hương.

*** Cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:**

- **Nhân vật trữ tình:** Cùng chọn nhân vật trữ tình ẩn danh để khách quan hóa cái nhìn về biển nhưng cũng vì vậy đánh thức mối đồng điệu giữa tâm tư người viết và tâm hồn độc giả.

- Hình thức thể hiện:

+ **Thể thơ:** Thể thơ tự do phù hợp với xúc cảm phóng khoáng bay bổng về biển quê hương

+ **Hình ảnh:** Sử dụng nhiều hình ảnh về biển, cá, thuyền,... gợi lên cái mênh mông của biển biếc.

+ **Từ ngữ:** Một loạt các từ ngữ cùng trường nghĩa liên quan tới biển gợi liên tưởng phong phú về biển đồng thời đem lại cái nhìn chân thực, sống động cho người đọc trước cuộc sống của ngư dân.

b. Những điểm khác biệt:

*** Cùng viết về biển nhưng mỗi đoạn thơ lại mang một cấu tứ lạ:**

- Đoạn trích *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo gợi lên câu chuyện về nguồn gốc những người dân chài lưới, họ kết tụ về biển từ nhiều nơi, nhiều vùng nhưng khi đến biển rồi họ cùng gắn bó với biển bằng tình yêu tha thiết.

- Đoạn trích *Biển trước mặt - Biển* của Nguyễn Khoa Điềm, qua hình ảnh người cha, tác giả vẽ lên cuộc sống của tất cả những ngư dân trên đất nước Việt Nam: Họ cần cù chăm chỉ, yêu biển tha thiết, bám biển hằng ngày và chỉ duy nhất họ mới phát hiện ra những vẻ đẹp kì diệu, nên thơ của biển.

* Mỗi đoạn thơ gợi lên bức tranh biển khác nhau:

- Đoạn trích *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo bức tranh về biển hiện lên cùng rất nhiều loài cá với đặc tính, vẻ đẹp cũng như cách sử dụng, cách chế biến khác nhau gợi sự giàu có, phong phú của biển quê hương.

- Đoạn trích *Biển trước mặt - Biển* của Nguyễn Khoa Điềm, bức tranh biển hiện lên với những liên tưởng kì thú về những loài cá khác nhau.

*** Mỗi đoạn thơ vẽ lên những chân dung khác nhau về người dân biển:**

- Đoạn trích *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo vẽ lên chân dung những người dân quần tụ từ nhiều nơi, họ bám biển yêu biển với tất cả những khát khao, những ước vọng, họ hiểu biển, trân trọng biển.

+ Đoạn trích *Biển trước mặt - Biển* của Nguyễn Khoa Điềm, chân dung người cha hiện lên với tất cả vẻ đẹp hình thể và vẻ đẹp phẩm chất của một ngư dân trong tình cảm gắn bó sâu sắc với biển. Biển cho con người cá tôm, con người cũng lớn khôn từ biển.

* Mỗi đoạn thơ mang giọng điệu riêng:

- Đoạn trích *Mặn hơn muối* của Nguyễn Trọng Tạo mang sắc màu tự sự kết hòa với yếu tố miêu tả đậm đặc khiến đoạn thơ thêm lấp lánh sắc màu và ngân nga giọng điệu tha thiết, nồng nàn.

+ Đoạn trích *Biển trước mặt - Biển* của Nguyễn Khoa Điềm: Phần đầu giàu liên tưởng nên giọng thơ bay bổng, tươi vui, phần giữa đoạn đậm sắc màu triết lí nên giọng thơ sâu lắng, đến phần cuối giọng thơ thiên về sự trân trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca,...

c. Lí giải sự tương đồng và khác biệt:

- Tương đồng:

+ Đề tài viết về Biển - Sự giàu có, mặn mòi của biển quê hương và cuộc sống vất vả mà phong phú sắc màu của người dân biển luôn là đề tài bất tận của thơ ca muôn đời.

+ Cả hai tâm hồn nhà thơ đều yêu tha thiết quê hương đất nước mình, họ viết về biển bằng tất cả niềm tự hào, sự trân trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca,....

- Khác biệt: Mỗi nhà thơ mang những suy tư riêng, những cảm quan riêng, biển trong mỗi nhà thơ được nhìn bằng lăng kính nghệ thuật riêng, cấu tứ riêng, giọng điệu, sắc màu riêng,...không thể trộn lẫn.

3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn thơ và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi đoạn. Khẳng định sự đóng góp của hai đoạn thơ, hai tác giả.

- Cả hai nhà thơ đều mang trong mình tình yêu quê hương đất nước thiết tha, sâu nặng.

- Mỗi đoạn trích hấp dẫn theo cách riêng, ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà thơ, là sản phẩm trí tuệ không lặp lại.

- Đó chính là quy luật sáng tạo của nghệ thuật nói chung và cũng qua đó bộc lộ được vẻ đẹp đa thanh, đa sắc màu, đa giọng điệu của văn chương nói riêng.

C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các đoạn/bài thơ.

Đề số 03:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ trích trong *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* của Nam Hà và *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* của Nguyễn Tiến Đường.

DÀN Ý THAM KHẢO

A. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề tài quê hương, đất nước.
- Giới thiệu hai đoạn thơ trích trong *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* của Nam Hà và *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* của Nguyễn Tiến Đường.

B. Thân bài:

1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Nhà thơ Nam Hà tên thật là Nguyễn Anh Công, sinh năm 1935 tại Đô Lương, Nghệ An. Ông đã in 5 tập tiểu thuyết, 3 tập truyện ngắn, 1 tập thơ và nhiều tập bút ký, ký sự. Song, dù chỉ có một tập thơ nhưng ông được nhiều người coi là nhà thơ bởi những bài thơ của ông khá xuất sắc, đặc biệt là bài *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* được viết tại mặt trận Trường Sơn năm 1966, in trong *Trường Sơn - Đường khát vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, 2009.

b. Nguyễn Tiến Đường sinh năm 1954, quê Hà Tây, công tác tại Thủ Dầu Một (Bình Dương). Bút danh Nguyễn Tiến, Tiến Lộ. Ông là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Bình Dương. Bài thơ *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà

thơ Nguyễn Tiến Đường thể hiện sâu sắc cái nhìn yêu thương của nhà thơ đối với đất nước trong thời đại mới.

2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó.

a. Những điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ:

*** Đề tài, cảm hứng chủ đạo và cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:**

- **Đề tài:** Đất nước

- **Cảm hứng chủ đạo:** Tình cảm trân trọng, yêu mến, ngưỡng mộ, ngợi ca.

- Cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:

+ Nhân vật trữ tình: Cùng chọn nhân vật trữ tình ẩn danh để khách quan hóa cái nhìn về đất nước nhưng cũng vì vậy đánh thức mối đồng điệu giữa tâm tư người viết và tâm hồn độc giả.

+ Hình thức thể hiện:

++ Thể thơ: Thể thơ tự do phù hợp với xúc cảm phóng khoáng bay bổng về đất nước.

++ Từ ngữ, hình ảnh: Sử dụng nhiều từ ngữ, hình ảnh về đất nước, về văn học, về cảnh trí, con người.

b. Những điểm khác biệt:

*** Hướng triển khai mạch thơ:**

- *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* của Nam Hà: Trong mạch điệp cấu trúc, mượn lời diễm đạt theo kiểu sở hữu, tác giả đúc kết nên những vẻ đẹp của đất nước lần lượt qua từng khía cạnh:

+ Đất nước nên thơ, trữ tình, đạt dào cảm xúc trong thơ ca dân gian.

+ Đất nước thơ mộng, yên bình qua cảnh trí tuyệt đẹp.

+ Đất nước tảo tần, gian khổ nhưng thấm đẫm yêu thương qua dáng mẹ.

=> Xúc cảm về đất nước được đánh thức qua những giá trị vật chất và tinh thần, những thứ vừa gần gũi vừa thiêng liêng (văn thơ, gia đình, cảnh vật,...)

- *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* của Nguyễn Tiến Đường: Từ xúc cảm về những vẻ đẹp cụ thể của đất nước, tác giả khái quát lên thành định nghĩa:

+ Về đẹp cụ thể của đất nước:

++ Vẻ đẹp của đất nước theo chiều thời gian với những biến đổi thăng trầm, khi đó đất nước được ví như những tác phẩm văn học với những giọng điệu khác nhau khi đẹp đẽ, đau thương như đời Kiều, lúc hào hùng bi tráng như *Đại cáo bình Ngô*.

++ Vẻ đẹp theo chiều sâu phẩm chất với những đức tính đẹp đẽ không đổi thay, vẻ đẹp ấy được ví như người mẹ với vẻ ngoài giản dị nhưng tâm hồn và phẩm chất đẹp đẽ, luôn dạy con những bài học cuộc đời ý nghĩa, biết hướng tới những điều cao đẹp và tươi sáng.

+ Khái quát lên định nghĩa về đất nước:

++ Đất nước là chiều sâu văn hóa, thơ ca.

++ Đất nước là vẹn toàn lãnh thổ, bao gồm cả biển đảo yêu quý.

++ Đất nước là nhân dân, là tâm hồn Việt.

=> Xúc cảm đối với Tổ quốc được bộc lộ bắt đầu từ tình cảm đối với những điều cụ thể đến những suy tư về chân lí muôn đời.

*** Cảm hứng về đất nước được diễn tả bằng hình thức nghệ thuật độc đáo:**

- *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!*

+ Giọng điệu, âm hưởng: gọi nên cái hào khí hùng hực của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

+ Từ ngữ: Gần gũi, giản dị ta vẫn thường gặp, thường thấy mỗi ngày.

+ Biện pháp tu từ: Dùng biện pháp điệp cấu trúc để nhấn mạnh, khắc sâu những suy cảm về đất nước gần gũi, yêu thương.

- *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi*:

+ Giọng điệu, âm hưởng: thâm trầm, triết lí sâu sắc về đất nước hôm nay.

+ Từ ngữ: Sử dụng nhiều danh từ riêng, gọi dậy những dấu mốc, những địa danh nhiều ý nghĩa.

+ Biện pháp tu từ: Dùng nhiều so sánh, ẩn dụ để gọi liên tưởng sâu xa về những vẻ đẹp đất nước.

c. Lí giải sự tương đồng và khác biệt:

- Tương đồng:

+ Đề tài Tổ quốc luôn là đề tài bất tận của thơ ca muôn đời.

+ Cả hai tâm hồn nhà thơ đều yêu tha thiết quê hương đất nước mình, họ viết về đất nước bằng tất cả tin yêu, tự hào.

- Khác biệt:

+ Mỗi nhà thơ mang những suy tư riêng, những cảm quan riêng, đất nước trong mỗi nhà thơ được nhìn bằng con mắt nghệ thuật riêng.

+ Mỗi nhà thơ thuộc về một thời đại khác nhau: *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi!* gọi nên cái hào khí hùng hực của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước; trong khi *Tổ quốc chỉ một mẹ thôi* là cái nhìn đầy tự tin của một công dân mới được sống trong một đất nước đang vươn lên với sức lực mới, năng

lượng mới.

3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn thơ và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi đoạn. Khẳng định sự đóng góp của hai đoạn thơ, hai tác giả.

- Cả hai nhà thơ đều mang trong mình tình yêu quê hương đất nước thiết tha, sâu nặng.
- Mỗi đoạn trích hấp dẫn theo cách riêng, ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà thơ, là sản phẩm trí tuệ không lặp lại.
- Đó chính là quy luật sáng tạo của nghệ thuật nói chung và cũng qua đó bộc lộ được vẻ đẹp đa thanh, đa sắc màu, đa giọng điệu của văn chương nói riêng.

C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các đoạn thơ/bài thơ.